UBND TỈNH HƯNG YÊN
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139/TB-TTPTQĐ

Hưng Yên, ngày 12 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc cho thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên quản lý, khai thác

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 04/11/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Văn bản số 4973/UBND-TH ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Phương án quản lý, khai thác nhà, đất của Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02;

Căn cứ Văn bản số 6467/UBND-TH ngày 24/9/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh phương án quản lý, khai thác nhà, đất của Trung tâm Phát triển quỹ đất số 02;

Căn cứ Văn bản số 7812/UBND-TH ngày 09/11/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Phương án quản lý, khai thác nhà, đất của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;

Căn cứ các Quyết định từ số 64/QĐ-TTPTQĐ đến số 109/QĐ-TTPTQĐ ngày 12/11/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt đơn giá cho thuê nhà;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-TTPTQĐ ngày 12/11/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho thuê nhà đối với cơ sở nhà, đất Chi cục Quản lý đường bộ 1.7 cũ;

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên thông báo danh mục nhà, đất cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) và giá niêm yết, giá sàn cho thuê; nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức niêm yết giá:

(Có danh mục các cơ sở nhà, đất kèm theo)

2. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức chào giá cạnh tranh:

(Có danh mục các cơ sở nhà, đất kèm theo)

3. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) tại điểm 1, điểm 2 Thông báo này thực hiện trình tự như sau:

a) Đến Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên để nhận phiếu đăng ký thuê nhà theo mẫu; quy chế thực hiện cho thuê nhà do Trung tâm phát hành; nộp tiền đặt trước và nộp phiếu đăng ký thuê nhà.

- Địa chỉ Trung tâm:

+ Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên;

+ Cơ sở 2: Số 138 phố Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

- Thời gian: Từ ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 17/11/2026 (Trong giờ hành chính các ngày làm việc).

- Nộp tiền đặt trước vào tài khoản ngân hàng số 126.0000.15298 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Thái Bình.

Việc nộp tiền đặt trước thực hiện không chậm hơn thời điểm nộp phiếu đăng ký thuê nhà.

b) Trường hợp có nhu cầu xem nhà trước khi nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước; tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà đăng ký với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên để lên lịch cụ thể.

c) Tham dự buổi xác định người được quyền thuê nhà theo đúng thời gian, địa điểm, cụ thể như sau:

* Đối với các cơ sở nhà, đất trên địa bàn phía Nam tỉnh Hưng Yên (tỉnh Thái Bình cũ):

- Thời gian: 08 giờ 00 phút, ngày 18/11/2026.

- Địa điểm: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Cơ sở 2: Số 138 Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên (Phòng họp tầng 3).

* Đối với các cơ sở nhà, đất trên địa bàn phía Bắc tỉnh Hưng Yên (tỉnh Hưng Yên cũ):

- Thời gian: 14 giờ 30 phút, ngày 18/11/2026.

- Địa điểm: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên (Phòng họp tầng 3).

4. Thông tin liên hệ của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên:

* Đối với các cơ sở nhà, đất trên địa bàn phía Bắc tỉnh Hưng Yên:

- Liên hệ nhận phiếu đăng ký thuê nhà, hướng dẫn viết phiếu đăng ký thuê

nhà, nộp phiếu đăng ký thuê nhà: Bà Đoàn Thị Mến - Viên chức, số điện thoại liên hệ: 0985.851.484.

- Liên hệ xem cơ sở nhà, đất: Bà Nguyễn Thị Phương Thanh - Viên chức, số điện thoại liên hệ: 0973.792.955.

* Đối với các cơ sở nhà, đất trên địa bàn phía Nam tỉnh Hưng Yên:

- Liên hệ nhận phiếu đăng ký thuê nhà, hướng dẫn viết phiếu đăng ký thuê nhà, nộp phiếu đăng ký thuê nhà: Bà Đào Thị Thu Phương - Viên chức, số điện thoại liên hệ: 0389.394.338.

- Liên hệ xem cơ sở nhà, đất: Ông Trần Duy Anh - Viên chức, số điện thoại liên hệ: 0969.990.855.

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên trân trọng thông báo để các tổ chức, cá nhân được biết./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên (đề nghị đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên);
- UBND các phường: Trần Hưng Đạo, Thái Bình;
- UBND các xã: Khoái Châu, Tân Hưng, Hoàng Hoa Thám, Hoàn Long, Việt Tiến, Quang Hưng, Tiên Tiến, Lương Bằng, Ân Thi, Đại Đồng, Mỹ Hào, Chí Minh, Hồng Quang, Văn Giang, Như Quỳnh, Lạc Đạo, Yên Mỹ, Vũ Thư, Đông Hưng, Tiên Hưng, Thái Ninh, Minh Thọ, Lê Lợi, Tân Thuận, Hưng Hà, Thái Thụy, Thư Vũ;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Lưu: VT, PTQĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Văn Luật

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH HƯNG YÊN QUẢN LÝ, KHAI THÁC

(Kèm theo Thông báo số: 139/TB-TTPTQĐ2 ngày 12/11/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên đơn vị (trụ sở)	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)		Giá niêm yết			Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời gian cho thuê nhà (năm)	Mục đích cho thuê	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Ghi chú
				Đất	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà Gt (đồng/m2/năm)	Tiền thuê nhà theo năm (đồng/năm)	Tiền thuê nhà theo tháng (đồng/tháng)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	**Cho thuê nhà theo phương thức niêm yết giá**			**10.074,80**	**6.954,00**		**352.180.375**	**29.348.365**	**4.576,00**			**176.092.000**			
1	Cơ sở nhà, đất xã Khoái Châu thuộc Thuế cơ sở 3 (trước là đội Thuế thị trấn Khoái Châu)	Xã Khoái Châu	QĐ22	142,00	58,00	226.127	13.115.366	1.092.947	58,00	10	TMDV	6.558.000	Từ ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 17/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	14 giờ 30 phút, ngày 18/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên (Phòng họp tầng 3)	
2	Cơ sở nhà, đất xã Tân Hưng thuộc Thuế cơ sở 5 (trước là đội thuế xã Thủ Sỹ)	xã Tân Hưng	QĐ23	87,30	33,00	317.950	10.492.350	874.363	33,00	10	TMDV	5.246.000			
3	Cơ sở nhà, đất xã Hoàng Hoa Thám thuộc Thuế cơ sở 5 (trước là đội thuế Nhật Tân, xã An Viên)	Xã Hoàng Hoa Thám	QĐ24	100,00	326,40	50.231	16.395.398	1.366.283	326,40	10	TMDV	8.198.000			
4	Cơ sở nhà, đất xã Hoàn Long thuộc Thuế cơ sở 3 (trước là đội Thuế xã Đông Tảo)	xã Hoàn Long	QĐ25	127,00	105,00	123.109	12.926.445	1.077.204	105,00	10	TMDV	6.463.000			
5	Đội thuế xã Hồng Tiến thuộc CCTKV VG-KC nay là thuế cơ sở 3, thuế tỉnh Hưng Yên	xã Việt Tiến	QĐ26	119,60	113,00	272.864	30.833.632	2.569.469	113,00	10	TMDV	15.417.000			
6	Tiểu học Quang Hưng (điểm trường Thọ Lão)	xã Quang Hưng	QĐ27	1.158,70	168,00	245.436	41.233.248	3.436.104	168,00	10	TMDV	20.617.000			
7	Mầm non Minh Tân (điểm trường Gốc Gạo)	xã Quang Hưng	QĐ28	379,30	108,60	114.240	12.406.464	1.033.872	108,60	10	TMDV	6.203.000			
8	Kho dự trữ nhà nước Hoàng Các	xã Tiên Tiến	QĐ29	1.955,00	895,00	47.722	42.711.190	3.559.266	895,00	10	TMDV	21.356.000			

STT	Tên đơn vị (trụ sở)	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)		Giá niêm yết			Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời gian cho thuê nhà (năm)	Mục đích cho thuê	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Ghi chú
				Đất	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà Gt (đồng/m2 /năm)	Tiền thuê nhà theo năm (đồng/năm)	Tiền thuê nhà theo tháng (đồng/tháng)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
9	Trạm Trồng trọt và BVTV Vũ Thư (cũ)	Khu Minh Hòa, xã Vũ Thư	QĐ30	364,80	202,00	204.053	41.218.706	3.434.892	202,00	10	TMDV	20.609.000	Từ ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 17/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Cơ sở 2: Số 138 phố Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.	08 giờ 00 phút, ngày 18/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Cơ sở 02: Số 138 Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên (Phòng họp tầng 3)	
10	Trạm Trồng trọt và BVTV Đông Hưng (cũ)	Số 8, phố Nguyễn Hán Đình, xã Đông Hưng	QĐ31	322,00	59,00	275.760	16.269.840	1.355.820	59,00	10	TMDV	8.135.000			
11	Trụ sở làm việc (cũ) Đội thuế Tiên Hưng xã Thăng Long	Xã Tiên Hưng	QĐ32	776,00	310,00	136.936	42.450.160	3.537.513	310,00	10	TMDV	21.225.000			
12	Trụ sở làm việc (cũ) đội thuế Cầu Cau, xã Thái Hưng	Xã Thái Ninh	QĐ33	152,30	18,00	288.524	5.193.432	432.786	18,00	10	TMDV	2.597.000			
13	Kho dự trữ bến Hiệp	Xã Minh Thọ	QĐ34	3.913,00	1.952,00	22.140	43.217.280	3.601.440	1.952,00	10	TMDV	21.609.000			
14	Chi cục thuế khu vực Tiền Hải - Kiến Xương (Trụ sở làm việc đội thuế số 1 cũ)	Xã Lê Lợi	QĐ35	161,80	100,00	80.576	8.057.600	671.467	100,00	10	TMDV	4.029.000			
15	Trụ sở làm việc (cũ) Đội thuế Tân Đệ	Xã Tân Thuận	QĐ36	316,00	128,00	122.338	15.659.264	1.304.939	128,00	10	TMDV	7.830.000			
II	**Cho thuê nhà theo phương thức chào giá cạnh tranh**			**68.710,20**	**60.279,16**		**9.494.136.081**	**791.178.009**	**26.679,55**			**4.747.070.000**			
1	Trụ sở Bộ phận một cửa tại Kim Động thuộc Chi cục thuế khu vực Thành phố Hưng Yên - Kim Động nay thuộc thuế cơ sở 1, Thuế tỉnh Hưng Yên	xã Lương Bằng	QĐ37	6.342,00	695,50	1.744.282	1.213.148.131	101.095.678	695,50	10	TMDV	606.574.000	Từ ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 17/11/2026 tại Trung tâm PTQĐ tỉnh Hưng Yên - Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.	14 giờ 30 phút, ngày 18/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên (Phòng họp tầng 3)	
2	Văn phòng chi cục thuế Ân Thi (nay thuộc thuế cơ sở 4, thuế tỉnh Hưng Yên)	số 9 Bùi Thị Cúc, xã Ân Thi	QĐ38	2.139,00	2.120,00	367.161	778.381.320	64.865.110	2.120,00	10	TMDV	389.191.000			
3	Thi hành án dân sự Ân Thi + Kho vật chứng	xã Ân Thi	QĐ39	900,00	592,00	458.151	271.225.392	22.602.116	592,00	10	TMDV	135.613.000			
4	Cơ sở nhà đất BHXH cơ sở Ân Thi thuộc BHXH tỉnh Hưng Yên	Xã Ân Thi	QĐ40	1.000,00	239,00	250.777	59.935.703	4.994.642	239,00	10	TMDV	29.968.000			
5	Trụ sở VKSND Huyện Ân Thi	Xã Ân Thi	QĐ41	2.999,80	551,00	537.595	296.214.845	24.684.570	551,00	10	TMDV	148.107.000			

STT	Tên đơn vị (trụ sở)	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)		Giá niêm yết			Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời gian cho thuê nhà (năm)	Mục đích cho thuê	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Ghi chú
				Đất	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà Gt (đồng/m2 /năm)	Tiền thuê nhà theo năm (đồng/năm)	Tiền thuê nhà theo tháng (đồng/tháng)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
6	Kho dự trữ nhà nước Bình Trị	xã Ân Thi	QĐ42	12.188,00	2.752,00	242.026	666.055.552	55.504.629	2.752,00	10	TMDV	333.028.000	Từ ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 17/11/2026 tại Trung tâm PTQĐ tỉnh Hưng Yên - Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.	14 giờ 30 phút, ngày 18/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên (Phòng họp tầng 3)	
7	Cơ sở nhà, đất xã Đại Đồng thuộc Thuế cơ sở 2 (trước là đội Thuế xã Tuấn Lương (Lương Tài))	xã Đại Đồng	QĐ43	372,00	132,00	496.601	65.551.332	5.462.611	132,00	10	TMDV	32.776.000			
8	Cơ sở nhà, đất phường Mỹ Hào thuộc Thuế cơ sở 2 (trước là đội Thuế Phố Nối)	phường Mỹ Hào	QĐ44	291,00	286,00	406.626	116.295.036	9.691.253	286,00	10	TMDV	58.148.000			
9	Cơ sở đất xã Chí Minh thuộc Thuế cơ sở 3 (trước là đội Thuế xã Thuần Hưng)	xã Chí Minh	QĐ45	200,00	112,00	570.232	63.865.984	5.322.165	112,00	10	TMDV	31.933.000			
10	Cơ sở nhà, đất xã Hồng Quang thuộc Thuế cơ sở 4 (trước là đội thuế liên xã Hồng Quang)	Xã Hồng Quang	QĐ46	248,80	159,70	444.678	71.015.077	5.917.923	159,70	10	TMDV	35.508.000			
11	Kho dự trữ nhà nước Hồng Quang	xã Hồng Quang	QĐ47	4.119,00	2.164,00	32.121	69.509.844	5.792.487	2.164,00	10	TMDV	34.755.000			
12	Chi cục thuế Phù Cừ thuộc Thuế cơ sở 5	xã Quang Hưng	QĐ48	2.640,00	2.019,60	570.987	1.153.165.345	96.097.112	2.019,60	10	TMDV	576.583.000			
13	Trạm khuyến nông KV Phù Tiên	xã Quang Hưng	QĐ49	1.993,00	255,00	1.292.020	329.465.100	27.455.425	255,00	10	TMDV	164.733.000			
14	Thi hành án dân sự Phù Cừ	Xã Quang Hưng	QĐ50	1.482,00	340,00	199.350	67.779.000	5.648.250	340,00	10	TMDV	33.890.000			
15	Trụ sở VKSND Huyện Phù Cừ	Xã Quang Hưng	QĐ51	2.065,40	627,00	144.039	90.312.453	7.526.038	627,00	10	TMDV	45.156.000			
16	Cơ sở nhà đất của BHXH cơ sở Quang Hưng thuộc BHXH tỉnh Hưng Yên	Xã Quang Hưng	QĐ52	1.644,00	192,00	392.506	75.361.152	6.280.096	192,00	10	TMDV	37.681.000			
17	Trạm khuyến nông KV Châu Giang	xã Khoái Châu	QĐ53	581,90	212,80	274.553	58.424.878	4.868.740	212,80	10	TMDV	29.212.000			

STT	Tên đơn vị (trụ sở)	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)		Giá niêm yết			Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời gian cho thuê nhà (năm)	Mục đích cho thuê	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Ghi chú
				Đất	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà Gt (đồng/m2 /năm)	Tiền thuê nhà theo năm (đồng/năm)	Tiền thuê nhà theo tháng (đồng/tháng)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
18	Thi hành án Văn Giang	Xã Văn Giang	QĐ54	1.982,00	251,00	263.326	66.094.826	5.507.902	251,00	10	TMDV	33.047.000	Từ ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 17/11/2026 tại Trung tâm PTQĐ tỉnh Hưng Yên - Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.	14 giờ 30 phút, ngày 18/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Trụ sở chính: Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên (Phòng họp tầng 3)	
19	Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Chi cục THADS huyện Văn Lâm (cũ)	xã Như Quỳnh	QĐ55	1.250,00	513,00	274.213	140.671.269	11.722.606	513,00	10	TMDV	70.336.000			
20	BHXH cơ sở Mỹ Hào (huyện Văn Lâm cũ)	xã Như Quỳnh	QĐ56	1.200,00	1.292,00	579.041	748.120.972	62.343.414	1.292,00	10	TMDV	374.060.000			
21	Trụ sở VKSND huyện Văn Lâm	Xã Như Quỳnh	QĐ57	1.250,00	628,00	219.023	137.546.444	11.462.204	628,00	10	TMDV	68.773.000			
22	Trụ sở làm việc Trung tâm hoạt động nhân đạo thuộc Hội chữ thập đỏ tỉnh Hưng Yên	Thôn Ngọc, xã Lạc Đạo	QĐ58	5.805,00	300,00	510.316	153.094.800	12.757.900	300,00	10	TMDV	76.547.000			
23	Kho dự trữ nhà nước Trung Hưng	xã Yên Mỹ	QĐ59	5.013,00	2.102,10	79.072	166.217.251	13.851.438	2.102,10	10	TMDV	83.109.000			
24	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	194 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo	QĐ60	3.015,50	2.714,00	520.282	1.412.045.348	117.670.446	2.714,00	10	TMDV	706.023.000	Từ ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 17/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Cơ sở 2: Số 138 phố Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.	08 giờ 00 phút, ngày 18/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Cơ sở 02: Số 138 Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên (Phòng họp tầng 3)	
25	Trụ sở của Bệnh viện Mắt	Số 282 đường Trần Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo	QĐ61	792,40	1.734,00	114.383	198.340.122	16.528.344	1.734,00	10	TMDV	99.170.000			
26	Trụ sở của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Số 280 đường Trần Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo	QĐ62	818,70	1.322,00	137.236	181.425.992	15.118.833	1.322,00	10	TMDV	90.713.000			
27	Tỉnh đoàn Thanh niên Thái Bình cũ (Khu B)	Số 6 Hoàng Diệu, phường Thái Bình	QĐ63	519,50	450,00	259.762	116.892.900	9.741.075	450,00	10	TMDV	58.446.000			
28	Trung tâm điều dưỡng, chăm sóc người có công (cơ sở 4)	Thôn Huyền Sỹ, xã Vũ Thư	QĐ64	1.006,50	914,10	154.749	141.456.061	11.788.005	914,10	10	TMDV	70.728.000			

STT	Tên đơn vị (trụ sở)	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)		Giá niêm yết			Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời gian cho thuê nhà (năm)	Mục đích cho thuê	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Ghi chú
				Đất	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà Gt (đồng/m2 /năm)	Tiền thuê nhà theo năm (đồng/năm)	Tiền thuê nhà theo tháng (đồng/tháng)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
29	Trạm Chăn nuôi và Thú y Hưng Hà (cũ)	Số 731 Long Hưng, xã Hưng Hà (Khu Đồng tu)	QĐ65	658,10	160,00	453.521	72.563.360	6.046.947	160,00	10	TMDV	36.282.000	Từ ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 17/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Cơ sở 2: Số 138 phố Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.	08 giờ 00 phút, ngày 18/11/2026 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hưng Yên - Cơ sở 02: Số 138 Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên (Phòng họp tầng 3)	
30	Chi Cục Thuế huyện Thái Thụy (Đội thuế Diêm Điền)	Xã Thái Thụy	QĐ66	524,10	316,79	288.992	91.549.776	7.629.148	316,79	10	TMDV	45.775.000			
31	Trụ sở làm việc (cũ) Đội thuế Thái Hạc	Xã Thư Vũ	QĐ67	1.404,00	150,00	513.977	77.096.550	6.424.713	150,00	10	TMDV	38.548.000			
32	Chi cục Quản lý đường bộ I.7 cũ	Đường Bùi Sỹ Tiêm, xã Đông Hưng	QĐ19	2.265,5	382,96	901.698	345.314.266	28.776.189	382,96	10	TMDV	172.657.000			
	Tổng 47 cơ sở nhà, đất			**78.785,00**	**67.233,16**		**9.846.316.456**	**820.526.374**	**31.255,55**			**4.923.162.000**			